

GRAMMAR : REPORTED SPEECH (Caâu tồøng thuaät)

- 1/ Reporting Statements
2/ Reporting Questions

1/ Reporting Statements (Tồøng thuaät caâu nòu thoàng thồøng)

A/ Reported speech (hoaëc Indirect speech) laø caâu nòu duøng ñeã tồøng thuaät laïi ñieàu maø moät ngöôøi naøo ñoù ñaõ nòu trööùc ñoù. Trong tieáng Anh, khi vieát laïi nguyeân vaên moät caâu nòu cuûa ngöôøi naøo, ngöôøi ta thồøng vieát (hoaëc in) caâu nòu aáy giöõa hai ngoaëc keùp. Haõy so saùnh caâu tröïc tieáp (Indirect speech) vaø caâu tồøng thuaät (Reported speech) sau ñaây:

Direct : "I'm writing a letter to my parents," Pam said.

Reported : Pam said (that) she was writing a letter to her parents.

B/ Thoàng thồøng, khi ñoãi moät caâu nòu tröïc tieáp sang caâu tồøng thuaät, chuùng ta phaûi laøm moät soá thay ñoãi nhö sau:

1/ Baét ñaàu caâu tồøng thuaät baèng:

(He) said that ..., hoaëc (He) told me that ...

CHUÛ YÛ : Chuùng ta khoàng duøng tuùc töø (object) sau "said"; nhöng sau "told" phaûi coù tuùc töø (object):

Right: (He) said that ... / (He) said to me that ...

(He) told me that ...

Wrong: (He) said me that ... / (He) told that ...

2/ Phaûi boû daáu ngoaëc keùp khi tồøng thuaät.

3/ Caùch ñaïi töø thồøng phaûi thay ñoãi cho phuø hôïp nhö sau:

Direct	Reported
I me my mine myself	He hoaëc She him / her his / her his / hers himself / herself
We us our ours ourselves	They them their theirs themselves

4/ Thay ñoãi moät soá caùch nòu thôøi gian vaø nôï choán:

Direct	Reported
today	that day
tonight	that night
now	then
tomorrow	the next day / the following day
yesterday	the day before / the previous day
next (week)	the next (week) / the following (week)
last (week)	the (week) before / the previous week
(three days) ago	(three days) before

this / these here	that / those there
----------------------	-----------------------

5/ Thay ñoãi thì töø câu tröïc tieáp sang câu töøøng thuaät nhö sau:

Direct	Reported
Present simple "I do it," he said.	Past simple He said he did it.
Past simple "I did it," he said.	Past perfect He said he had done it.
Present perfect "I have done it," he said.	Past perfect He said he had done it.
Present progressive "I am doing it," he said.	Past progressive He said he was doing it.
Past progressive "I was doing it," he said.	Past perfect progressive He said he had been doing it.
Present perfect progressive "I have been doing it," he said.	Past perfect progressive He said he had been doing it.
Modals: will/can/may "I will/can/may do it," he said.	Past modals: would/could/might He said he would/could/might do it.

C/ Nhöøng tröøøng hôïp khoâng caàn thay ñoãi thì khi töøøng thuaät:

1/ "must" còu theã giöø nguyeân hoaëc ñoãi thaønh "had to". Ví duï:

Direct: "I must finish this report by Monday," Jill said.

Reported: Jill said that she *must finish* that report by Monday.

Or: Jill said that she *had to finish* that report by Monday.

2/ "should" vaø "ought to" còu theã giöø nguyeân hoaëc töøøng thuaät baèng caùch duøng ñoäng töø "advise sb (not) to do sth". Ví duï:

Direct: "You should practice your English every day," said Miss Hoa.

Reported: Miss Hoa said that I *should practice* my English every day.

Or: Miss Hoa *advised me to practice* my English every day.

Direct: "You oughtn't to lie in the sun for long hours, Nam," said Ba.

Reported: Ba said that Nam *oughtn't to lie* in the sun for long hours.

Or: Ba *advised Nam not to lie* in the sun for long hours.

3/ Moät soá Modals khaùc nhöu "needn't do", "would do", "could do", vaø "might do" thöøøng ñöôic giöø nguyeân khi töøøng thuaät. Ví duï:

Direct: "You needn't do it if you don't want," she said.

Reported: She said that I *needn't do* it if I didn't want.

Direct: "It would be nice if I could see you again, Pam," Mike said.

Reported: Mike said it *would be nice* if he *could see* Pam again.

Direct: "It might be too dangerous for us to go now," said Jack.

Reported: Jack said it *might be* too dangerous for them to go then.

4/ Khi töøøng thuaät câu ñieäu kieän (Conditional sentences), ta thay ñoãi thì vùi câu ñieäu kieän loaïi 1. Ñoái vùi câu ñieäu kieän loaïi 2, còu theã thay ñoãi thì hoaëc vaãn giöø nguyeân. Dó nhieân chuøng ta khoâng thay ñoãi thì vùi loaïi 3. Ví duï:

Direct: "If I hear anything new, I'll let you know," Paul said.

Reported: Paul said that if he heard anything new he would let me know.

Direct: "If I knew her number, I would tell you," Peter said.

Reported: Peter said if he knew her number, he would tell me.

Or: Peter said if he had known her number, he would have told me.

2/ Reporting questions (Tööøng thuaät câu hỏi)

Khi töøøng thuaät câu hỏi, ta cần phân biệt hai loại câu hỏi trực tiếp là: 'Wh-questions' (Câu hỏi bắt đầu bằng *töø-ñeã-hỏi*) và 'Yes-No questions' (Câu hỏi bắt đầu bằng *ñoãng töø ñeã* có câu trả lời là "Yes" hoặc "No"). Sau đây là một số *ñieãm* cần lưu ý khi töøøng thuaät câu hỏi:

1/ Chuùng ta töøøng thuaät câu hỏi bằng các cách sau:

(He) asked (me) ...

(He) wondered ...

(He) wanted to know ...

2/ Không dùng *thẻ ñâu-ñoãng-töø* khi töøøng thuaät câu hỏi. Nghĩa là không *ñeët ñoãng töø* (hoặc *trở ñoãng töø*) trước chủ *töø* trong câu töøøng thuaät.

3/ Bỏ *đấu chấm hỏi* và *đấu ngoặc kép* khi töøøng thuaät câu hỏi.

4/ Thay *ñỏi* thì *cuà ñoãng töø*, cách *noùi* thời gian, *nội* chốn, và *ñai* *töø* cho phụ *hội* *nhỏ* khi töøøng thuaät câu *noùi* *thoãng* *thöøøng*.

5/ *Ñói* *vùi* câu hỏi 'Wh-questions', ta *lặp* lại các *töø ñeã* hỏi *nhỏ*: what, where, when, who, which, how, how much, how many, how long, *Chú* *y*: *chuùng* ta không dùng *chö* 'that' trước các *töø ñeã* hỏi.

6/ *Ñói* *vùi* câu hỏi 'Yes-No questions', ta *có* *thẻ* *mô* *ñâu* câu hỏi töøøng thuaät bằng cách dùng 'if' hoặc 'whether' (xem bảng so sánh hai loại câu hỏi töøøng thuaät bên dưới). *Chú* *y*: *chuùng* ta không dùng *chö* 'that' trước 'if' hoặc 'whether'.

So sánh cách töøøng thuaät câu hỏi 'Wh-questions' và 'Yes-No questions':

TYPE	DIRECT	REPORTED
Wh-question s	"What is this man saying?"	He asked me what that man was saying.
	"When are you leaving for London?"	He wanted to know when I was leaving for London.
	"Where did you buy this bag?"	She wondered where I had bought that bag.
	"Who phoned you last night?"	She asked who had phoned me the night before.
	"Why is Mary crying?"	He wondered why Mary was crying.
	"How long have you been working here?"	She asked me how long I had been working there.
Yes-No	"How far is it to your hometown?"	He wanted to know how far it was to my hometown.
	"Do you often go out in the evening?"	He asked if/whether I often went out in the evening.
	"Is your wife a good cook?"	She wanted to know if/whether my wife was a good cook.

questions	"Have you ever been to South America?" "Did your father go to college?" "Was Kate waiting for you at the airport?" "Can you swim across this river?" "Will you come home late today?"	He asked if/whether I had ever been to South America. He wondered if/whether my father had gone to college. He asked if/whether Kate had been waiting for me at the airport. He wondered if/whether I could swim across that river. She wanted to know if/whether I would come home late that day.
------------------	---	--